

Phụ lục X

MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~2026/TT-BTC ngày **25** tháng **9** năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số bảng	Tên bảng
Tình hình phát hành và giao dịch trái phiếu tại thị trường trong nước	
Bảng 1	Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ
Bảng 2	Kỳ hạn, lãi suất phát hành
Bảng 3	Tình hình phát hành trái phiếu có bảo đảm
Bảng 4	Nhà đầu tư mua trái phiếu tại thời điểm phát hành
Bảng 5	Cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo
Bảng 6	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu
Bảng 7	Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
Bảng 8	Tình hình giao dịch trái phiếu
Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế	
Bảng 9	Tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ
Bảng 10	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu
Bảng 11	Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
Bảng 12	Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp phát hành và tình hình dư nợ trái phiếu

[illegible]

	Phát hành trong kỳ						Lũy kế từ đầu năm					
	Số đợt đăng ký	Giá trị đăng ký	Số doanh nghiệp PH	Số đợt PH	Giá trị PH (tỷ đồng)	Tỷ trọng giá trị PH	Số đợt đăng ký	Giá trị đăng ký	Số doanh nghiệp PH	Số đợt PH	Giá trị PH (tỷ đồng)	Tỷ trọng giá trị PH (%)
8. Năng lượng												
9. Lĩnh vực khác												
III. Theo mục đích phát hành												
1. Thực hiện dự án												
2. Cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp												
3. Mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành												
4. Thực hiện dự án xanh												
Tổng												

Bảng 2: Kỳ hạn, lãi suất phát hành

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp phát hành	Trong kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm	
	Kỳ hạn phát hành bình quân (năm)	Lãi suất phát hành bình quân (%/năm) *	Kỳ hạn phát hành bình quân (năm)	Lãi suất phát hành bình quân (%/năm) *
1. Tổ chức tín dụng				
2. Kinh doanh chứng khoán				
3. Bất động sản				
4. Xây dựng				
5. Sản xuất				
6. Thương mại, dịch vụ				
7. Bảo hiểm				
8. Năng lượng				
9. Lĩnh vực khác				
Bình quân gia quyền				

Ghi chú: * Lãi suất phát hành bình quân và kỳ hạn phát hành bình quân tính theo bình quân gia quyền

Bảng 3: Tình hình phát hành trái phiếu có bảo đảm*Đơn vị: tỷ đồng.*

	Trong kỳ báo cáo			Lũy kế từ đầu năm		
	Giá trị phát hành	Giá trị phát hành có bảo đảm (*)	Tỷ trọng (%)	Giá trị phát hành	Giá trị phát hành có bảo đảm (*)	Tỷ trọng (%)
I. Lĩnh vực hoạt động của DN phát hành						
1. Tổ chức tín dụng						
2. Kinh doanh chứng khoán						
3. Bất động sản						
4. Xây dựng						
5. Sản xuất						
6. Thương mại, dịch vụ						
7. Bảo hiểm						
8. Năng lượng						
9. Lĩnh vực khác						
Tổng			100%			100%
II. Hình thức bảo đảm						
1. Bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành						
2. Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ						
3. Bảo lãnh thanh toán						
3.1. Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài						
3.2. Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật						
Tổng			100%			100%

Ghi chú (): trường hợp trái phiếu được bảo đảm thanh toán một phần, chỉ báo cáo tương ứng phần giá trị trái phiếu có tài sản bảo đảm.*

Bảng 4: Nhà đầu tư mua trái phiếu tại thời điểm phát hành

Đơn vị: tỷ đồng.

[illegible]

Bảng 5: Cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo*Đơn vị: tỷ đồng*

Lĩnh vực hoạt động của DN phát hành	Nhà đầu tư phân theo địa lý		Nhà đầu tư phân theo loại hình					
	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài	Tổ chức tín dụng	Công ty chứng khoán	Quỹ Đầu tư chứng khoán	Doanh nghiệp bảo hiểm	Tổ chức khác	Cá nhân
1. Tổ chức tín dụng								
2. Kinh doanh chứng khoán								
3. Bất động sản								
4. Xây dựng								
5. Sản xuất								
6. Thương mại, dịch vụ								
7. Bảo hiểm								
8. Năng lượng								
9. Lĩnh vực khác								
Tổng								

Đơn vị: %

Lĩnh vực hoạt động của DN phát hành	Nhà đầu tư phân theo địa lý		Nhà đầu tư phân theo loại hình					
	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài	Tổ chức tín dụng	Công ty chứng khoán	Quỹ Đầu tư chứng khoán	Doanh nghiệp bảo hiểm	Tổ chức khác	Cá nhân
1. Tổ chức tín dụng								
2. Kinh doanh chứng khoán								
3. Bất động sản								
4. Xây dựng								
5. Sản xuất								
6. Thương mại, dịch vụ								
7. Bảo hiểm								
8. Năng lượng								
9. Lĩnh vực khác								
Tổng								

Ghi chú: Tổng hợp theo báo cáo của các tổ chức đăng ký, lưu ký và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với trái phiếu phát hành trước ngày 01/01/2021 và còn dư nợ)

Bảng 6: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu

Đơn vị: tỷ đồng

	Thanh toán gốc, lãi trái phiếu		Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi	Giá trị trái phiếu đã thực hiện quyền	Giá trị trái phiếu được mua lại	Giá trị trái phiếu hoán đổi	
	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi				Giá trị trái phiếu bị hoán đổi	Giá trị trái phiếu được hoán đổi
Trong kỳ báo cáo							
Lũy kế từ đầu năm							

Bảng 7: Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo

STT	Doanh nghiệp phát hành			Mã trái phiếu	Giá trị PH	Kỳ hạn phát hành		Lãi suất phát hành		Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thanh toán lãi	TP chuyển đổi	TP kèm chứng quyền	TP có bảo đảm
	Tên	Loại hình DN	Lĩnh vực hoạt động			Đơn vị kỳ hạn	Kỳ hạn	Loại lãi suất	Lãi suất thực tế						
1															
2															
...															

Bảng 8: Tình hình giao dịch trái phiếu

	Khối lượng giao dịch (trái phiếu)	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)
I. Đối với giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ			
1. Trong kỳ báo cáo			
Phân theo trái phiếu của từng lĩnh vực doanh nghiệp phát hành			
- Tổ chức tín dụng			
- Kinh doanh chứng khoán			
- Bất động sản			

Ghi chú: Tổng hợp theo báo cáo của các tổ chức đăng ký, lưu ký và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với trái phiếu phát hành trước ngày 01/01/2021 và còn dư nợ).

Bảng 9: Tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ

[illegible]

1. Công ty đại chúng										
2. CTCP chưa đại chúng										
3. Công ty trách nhiệm hữu hạn										
II. Theo lĩnh vực hoạt động										
1. Tổ chức tín dụng										
2. Kinh doanh chứng khoán										
3. Bất động sản										
4. Xây dựng										
5. Sản xuất										
6. Thương mại, dịch vụ										
7. Bảo hiểm										
8. Năng lượng										
9. Lĩnh vực khác										
III. Theo thị trường phát hành										
...										

Ghi chú: Báo cáo theo số nguyên tệ.

Bảng 10: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu

	Thanh toán gốc, lãi trái phiếu		Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi	Giá trị trái phiếu đã thực hiện quyền	Giá trị trái phiếu được mua lại	Giá trị trái phiếu hoán đổi	
	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi				Giá trị trái phiếu bị hoán đổi	Giá trị trái phiếu được hoán đổi
Trong kỳ báo cáo							
Lũy kế từ đầu năm							

Ghi chú: Báo cáo theo số nguyên tệ; giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá.

Bảng 11: Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo

STT	Doanh nghiệp phát hành			Mã trái phiếu	Thị trường phát hành	Đồng tiền PH	Giá trị PH	Kỳ hạn phát hành		Lãi suất phát hành		Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thanh toán lãi	TP chuyển đổi	TP kèm chứng quyền	TP có bảo đảm
	Tên	Loại hình DN	Lĩnh vực hoạt động					Đơn vị kỳ hạn	Kỳ hạn	Loại lãi suất	Lãi suất thực tế						
1																	
2																	
3																	
...																	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH VÀ TÌNH HÌNH DƯ NỢ TRÁI PHIẾU*(Đối với báo cáo cuối quý II và báo cáo năm)***Bảng 12: Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp phát hành và tình hình dư nợ trái phiếu**

STT	Tên doanh nghiệp phát hành	Vốn chủ sở hữu (đồng)	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Dư nợ trái phiếu riêng lẻ/ Vốn chủ sở hữu	Dư nợ trái phiếu quốc tế		Dư nợ trái phiếu ra công chúng trong nước (đồng)	Dư nợ trái phiếu riêng lẻ trong nước (đồng)
						Nguyên tệ	Đồng		
1									
2									
...									
	TỔNG								

(Theo báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành khi công bố thông tin định kỳ)

Đánh giá, nhận xét về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ và lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo:

(Tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp; việc tuân thủ chế độ công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; việc tuân thủ chế độ báo cáo của các tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu; tình hình giao dịch

trái phiếu; tình hình thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi, thực hiện quyền, mua lại trái phiếu trước hạn và hoán đổi trái phiếu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty LKBTCK.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)